

## TÀI LIỆU GIỚI THIỆU

### Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15

Ngày 29/6/2024, tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.

#### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

##### 1. Cơ sở chính trị và pháp lý

Ngày 20/6/2017, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật số 14/2017/QH14 về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018; ngày 25/11/2019, tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2020. Việc Quốc hội thông qua Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đã tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang và các lực lượng khác, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp. Đồng thời, cũng thể hiện thiện chí của Việt Nam trong việc thực hiện các điều ước quốc tế về phòng, chống buôn bán bất hợp pháp vũ khí, phòng, chống khủng bố, vũ khí huỷ diệt hàng loạt mà Việt Nam là thành viên như: Nghị định thư Geneva năm 1925 về việc cấm sử dụng trong chiến tranh các chất làm ngạt, chất độc hoặc các loại vũ khí khác và phương pháp chiến tranh vi trùng (Việt Nam tham gia tháng 12/1980); Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ và sử dụng vũ khí hoá học (Việt Nam tham gia tháng 3/1993); Công ước cấm vũ khí sinh học (Việt Nam tham gia tháng 6/1980); Công ước cấm một số vũ khí thông thường gây sát thương quá mức (Việt Nam tham gia năm 1980); Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (Việt Nam tham gia tháng 9/1996); Hiệp ước bảo đảm an toàn hạt nhân (Việt Nam tham gia tháng 9/1989); Nghị định thư bổ sung Hiệp định bảo đảm an toàn hạt nhân (Việt Nam tham gia tháng 8/2007); Hiệp ước về cấm thử hạt nhân toàn diện (Việt Nam tham gia năm 1996); Hiệp ước cấm vũ khí hạt nhân (Việt Nam tham gia năm 2017); Hiệp ước khu vực Đông Nam Á phi hạt nhân (Việt Nam tham gia tháng 11/1996)...

Thời gian qua, Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo để hoàn thiện thể chế, xây dựng cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế như: Văn kiện Đại hội Đảng khoá XIII, về định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, trong đó, xác định tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế, phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường... tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 27/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm

nhìn đến năm 2045, trong đó ưu tiên xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành về phát triển công nghiệp quốc gia và các lĩnh vực công nghiệp đặc thù như: Công nghiệp công nghệ số, công nghiệp quốc phòng, an ninh...; Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã xác định “*hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và quá trình chuyển đổi số quốc gia*”; Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về “*đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thực sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới*”, đã đề ra giải pháp về chú trọng đầu tư nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ hiện đại, đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/05/2020 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh 2020 - 2025 đặt ra nhiệm vụ cho các bộ, ngành hàng năm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch cắt giảm, đơn giản hoá các quy định không hợp lý, đang là rào cản, gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp; Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó, giao nhiệm vụ cho các bộ, ngành, địa phương rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật để sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển dữ liệu số quốc gia tạo nền tảng cho triển khai Chính phủ số, bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu bảo đảm chất lượng, thông suốt giữa các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật để hỗ trợ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số đã xác định nhiệm vụ nâng cao việc ứng dụng cơ sở dữ liệu vào các hoạt động quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế và khu vực, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia theo Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Để triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Đảng, Chính phủ cần thiết phải nghiên cứu xây dựng Dự án Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước và phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm trong tình hình mới.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Qua 05 năm thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, Công an các đơn vị, địa phương đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong đó, Bộ Công an đã trang bị cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý 3.000.601 vũ khí, công cụ hỗ trợ, gồm: 152.367 vũ khí quân dụng, 5.162 vũ khí thể thao, 2.843.072 công cụ hỗ trợ; cấp 1.725.530 giấy phép sử dụng, 1.275.071 giấy xác nhận đăng ký; tổ chức tập huấn, huấn luyện, cấp 605.120 giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu

nổ, công cụ hỗ trợ. Các tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Công an đã sản xuất trên 200.000 công cụ hỗ trợ các loại để phục vụ trang bị, sử dụng cho Công an các đơn vị, địa phương và các lực lượng khác trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự. Bộ Quốc phòng đã trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ phục vụ cho mục đích quốc phòng đảm bảo chặt chẽ đúng quy định của Luật, không để xảy ra mất, thất lạc; hàng năm đã tổ chức đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng đã tổ chức 06 đợt huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp và cấp 1.376 giấy chứng nhận cho người quản lý, 20.916 giấy chứng nhận cho người có liên quan; tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng đã sản xuất vũ khí, khí tài đúng theo danh mục và phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đáp ứng yêu cầu trang bị, sử dụng phục vụ bảo vệ Tổ quốc, đảm bảo an ninh, trật tự. Bộ Công thương phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý, cấp các loại giấy phép về sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ, trong đó, xuất khẩu trên 63.000 tấn vật liệu nổ công nghiệp, 320.000 tấn tiền chất thuốc nổ; sử dụng trên 700.000 tấn tiền chất thuốc nổ để sản xuất thuốc nổ; sử dụng trên 800.000 tấn vật liệu nổ công nghiệp để khai thác khoáng sản và phục vụ mục đích khác.

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được tiến hành thường xuyên, rộng khắp, hiệu quả, qua đó đã nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Kết quả trong 05 năm, toàn quốc đã vận động nhân dân giao nộp 99.689 khẩu súng các loại, 17.860 bom, mìn, lựu đạn, 423.390 viên đạn, 3.762.871 kg thuốc nổ, 46.416 kíp nổ, 25.056 công cụ hỗ trợ, 98.895 vũ khí thô sơ, 6.801 linh kiện lắp ráp vũ khí. Bộ Công an với vai trò nòng cốt trong công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm, vi phạm pháp luật về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ đã chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương áp dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ triển khai quyết liệt, xuyên suốt, hiệu quả từ Bộ đến cơ sở (*Công an cấp xã*) nên tội phạm, vi phạm pháp luật liên quan đến vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ đã được kiềm chế; kết quả trong 05 năm toàn quốc đã phát hiện 34.109 vụ, bắt giữ 56.027 đối tượng, trong đó: Chế tạo trái phép 135 vụ, 197 đối tượng; mua bán trái phép 593 vụ, 812 đối tượng; vận chuyển trái phép 208 vụ, 251 đối tượng; tàng trữ trái phép 4.342 vụ, 5.659 đối tượng; chiếm đoạt trái phép 30 vụ, 30 đối tượng; trộm cắp 86 vụ, 91 đối tượng; sử dụng trái phép 28.715 vụ, 48.987 đối tượng (*sử dụng các loại dao và phương tiện tương tự dao 16.841 vụ, 26.472 đối tượng*); thu 4.975 khẩu súng các loại, 706.169 viên đạn, 321 lựu đạn, bom, mìn, 27.165,8 kg thuốc nổ, 106.564 kíp nổ, 15.249 công cụ hỗ trợ, 28.023 vũ khí thô sơ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai, thực hiện Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đã phát sinh một số hạn chế, khó khăn, vướng mắc, cụ thể như sau:

(1) Khái niệm về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 đã bộc lộ hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước và đấu tranh phòng, chống tội

phạm; thực tế trong 05 năm, toàn quốc đã phát hiện 28.715 vụ, bắt giữ 48.987 đối tượng sử dụng trái phép, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, các loại dao và phương tiện tương tự dao, trong đó:

- Phân tích theo loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, dao và phương tiện tương tự dao sử dụng làm công cụ, phương tiện gây án như sau:

+ Vũ khí quân dụng 330 vụ, 546 đối tượng (*chiếm 1,1% tổng số vụ, 1,1% tổng số đối tượng*);

+ Vật liệu nổ 246 vụ, 373 đối tượng (*chiếm 0,8% tổng số vụ, 0,7% tổng số đối tượng*);

+ Công cụ hỗ trợ 978 vụ, 1.375 đối tượng (*chiếm 3,4% tổng số vụ, 2,8% tổng số đối tượng*);

+ Súng tự chế 1.783 vụ, 2.589 đối tượng (*chiếm 6,2% tổng số vụ, 2,8% tổng số đối tượng*), trong đó: Súng bắn đạn ghém 191 vụ, 259 đối tượng; súng nén hơi còn 352 vụ, 444 đối tượng; súng nén ga 74 vụ, 90 đối tượng; các loại súng tự chế khác 1.166 vụ, 1.812 đối tượng;

+ Vũ khí thô sơ 8.537 vụ, 17.632 đối tượng (*chiếm 29,7% tổng số vụ, 36% tổng số đối tượng*), trong đó: Dao găm 857 vụ, 1.111 đối tượng; dao, kiếm 1.543 vụ, 3.540 đối tượng; mã tấu 1.531 vụ, 3.648 đối tượng; vũ khí thô sơ khác 4.606 vụ, 9.333 đối tượng;

+ Dao và phương tiện tương tự dao 16.841 vụ, 26.472 đối tượng (*chiếm 58,6% tổng số vụ, 54% tổng số đối tượng*), trong đó: Dao bầu 1.118 vụ, 1.682 đối tượng; dao phay 1.432 vụ, 1.821 đối tượng; dao quắm 646 vụ, 1.034 đối tượng; các loại dao khác 10.691 vụ, 16.919 đối tượng; phương tiện tương tự dao 2.954 vụ, 5.016 đối tượng.

- Phân tích theo hành vi phạm tội như sau:

+ Giết người 1.304 vụ (*chiếm 4,5%*), 2.112 đối tượng (*chiếm 4,3%*);

+ Bắt cóc 107 vụ (*chiếm 0,4%*), 130 đối tượng (*chiếm 0,3%*);

+ Cướp 517 vụ (*chiếm 1,8%*), 805 đối tượng (*chiếm 1,6%*);

+ Ma túy 117 vụ (*chiếm 0,4%*), 210 đối tượng (*chiếm 0,4%*);

+ Cố ý gây thương tích 9.921 vụ (*chiếm 34,5%*), 16.535 đối tượng (*chiếm 33,7%*);

+ Chống người thi hành công vụ 131 vụ (*chiếm 0,4%*), 191 đối tượng (*chiếm 0,4%*);

+ Gây rối trật tự công cộng 6.952 vụ (*chiếm 24,2%*), 16.735 đối tượng (*chiếm 34,1%*);

+ Hành vi khác 9.666 vụ (*chiếm 33,8%*), 12.269 đối tượng (*chiếm 25,2%*).

Như vậy, tội phạm sử dụng súng tự chế, vũ khí thô sơ, vũ khí tương tự vũ khí thô sơ, dao và phương tiện tương tự dao gây án đang diễn biến rất phức tạp. Riêng tội phạm sử dụng các loại dao gây án chiếm tỷ lệ rất cao (*chiếm 58,6% tổng số vụ, 54% tổng số đối tượng*), nhiều vụ đối tượng sử dụng dao nhọn, dao sắc, dao sắc nhọn có tính sát thương rất cao (*dao bầu, dao phay, dao quắm...*) giết người với tính chất rất manh động, tàn ác, dã man, gây bức xúc dư luận xã hội, hoang mang, lo lắng trong nhân dân. Trong khi đó, các loại dao luôn có sẵn trong cuộc sống hằng ngày để phục vụ lao động, sản xuất, sinh hoạt nhưng khi phát sinh mâu thuẫn đối tượng sẵn sàng sử dụng dao để tấn công nạn nhân nhằm

giải quyết mâu thuẫn. Thực tế quá trình điều tra các vụ án cho thấy, chỉ xử lý hình sự được khi có đủ căn cứ kết luận đối tượng phạm tội về các tội danh khác như: Giết người, cướp tài sản, cố ý gây thương tích..., không xử lý được đối tượng về hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí vì Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ không quy định dao là vũ khí. Bên cạnh đó, đối tượng sử dụng trái phép súng tự chế chiếm tỷ lệ cao hơn nhiều so với đối tượng sử dụng trái phép súng quân dụng (1.783/330 vụ, 2.589/546 đối tượng). Các loại vũ khí này khi đối tượng sử dụng gây án, gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm như vũ khí quân dụng, nhưng theo quy định của Luật thì súng tự chế không nằm trong danh mục vũ khí quân dụng. Do đó, các đối tượng đã lợi dụng kẽ hở của pháp luật để chế tạo, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, sử dụng trái phép các loại súng tự chế, vũ khí thô sơ, dao và công cụ, phương tiện tương tự vũ khí thô. Nếu không kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm đối với các đối tượng trên sẽ tiềm ẩn nguy cơ gây mất an ninh, trật tự nên cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các khái niệm về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ để bảo đảm phù hợp với thực tiễn.

(2) Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ có 30 điều quy định về thủ tục cấp các loại giấy phép, giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ. Trong đó, yêu cầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải trực tiếp nộp hồ sơ tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép kèm theo rất nhiều các loại giấy tờ như: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự; Căn cước công dân; các quyết định phê duyệt, hồ sơ, giấy tờ chứng minh các điều kiện hoạt động... Để thực hiện cải cách, đơn giản hoá thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân thì cần thiết phải cắt giảm các loại giấy tờ trên và thực hiện tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên Công dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, ngành.

(3) Hiện nay, nhiều tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân của các nước cho, tặng, viện trợ vũ khí (*súng cầm tay, vũ khí thể thao, vũ khí thô sơ*), công cụ hỗ trợ cho cơ quan, tổ chức trong nước để nghiên cứu, sản xuất hoặc trang bị cho các đối tượng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại Điều 5 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ quy định nghiêm cấm việc trao đổi, tặng, cho, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Vì vậy, để tận dụng nguồn lực từ nước ngoài hỗ trợ Việt Nam trong nghiên cứu, sản xuất, trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ thì cần thiết phải bổ sung quy định cho phép cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong nước được tiếp nhận vũ khí, công cụ hỗ trợ do tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân nước ngoài cho tặng, viện trợ.

(4) Theo quy định tại các điều 21, 26 và 58 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ thì giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ có thời hạn 05 năm, sau khi hết thời hạn cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải làm thủ tục cấp đổi; một số loại công cụ hỗ trợ (*dùi cui cao su, áo giáp, găng tay bắt dao, quả nỏ, bình xịt hơi cay...*) được cấp giấy xác nhận đăng ký và không có thời hạn. Tuy nhiên, quá trình thực hiện cho thấy, các

loại vũ khí, công cụ hỗ trợ không có sự thay đổi về nhãn hiệu, ký hiệu, số hiệu; hằng năm cơ quan quản lý, cấp phép đã tiến hành kiểm tra, trong khi đó việc cấp đổi giấy phép sử dụng phát sinh nhiều chi phí. Bên cạnh đó, giấy phép sử dụng và giấy xác nhận đều là giấy phép cấp cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ. Vì vậy, cần thiết sửa đổi, bổ sung các điều quy định về cấp giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ theo hướng không quy định thời hạn và chuyển việc cấp giấy xác nhận đăng ký sang cấp giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ.

(5) Một số quy định về nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tại các điều 37, 38, 39, 40, 42, 43 và 44 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ chưa phù hợp với thực tiễn nên quá trình triển khai thực hiện đã gặp khó khăn, vướng mắc như:

- Quy định tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu trên cơ sở đề án nghiên cứu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt là chưa phù hợp với Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2018).

- Hiện nay, các tổ chức, doanh nghiệp thường xuyên nghiên cứu, chế tạo ra các loại vật liệu nổ công nghiệp mới nhưng chưa có quy định việc đăng ký sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp mới và không nằm trong danh mục vật liệu nổ công nghiệp nên công tác quản lý, sử dụng gặp rất nhiều khó khăn.

- Tại điểm b khoản 2 Điều 37 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ quy định: “*Chủng loại sản phẩm, quy mô sản xuất phải phù hợp với định hướng phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm chất lượng và kỹ thuật an toàn*” là chưa phù hợp với Luật Quy hoạch năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2018).

- Quy định tổ chức, doanh nghiệp sử dụng không hết vật liệu nổ công nghiệp phải bán lại cho tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp chỉ có giá trị cho 01 lượt vận chuyển và chưa có quy định về điều chỉnh cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp nên gây khó khăn cho tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

Để khắc phục khó khăn, vướng mắc trên, cần thiết phải xây dựng Dự án Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân; đồng thời, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước và phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm, vi phạm pháp luật về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trong tình hình mới.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT**

### **1. Mục đích**

Xây dựng Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách, trình tự, thủ tục hành chính và khắc phục những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thi hành pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, bảo đảm thống nhất với các luật có liên quan; đồng thời, tạo cơ sở pháp lý trong công tác quản lý nhà nước và phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

## **2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật**

*Một là*, tiếp tục thể chế hoá đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

*Hai là*, bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước về cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính; loại bỏ những quy định không hợp lý, đang là rào cản, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

*Ba là*, việc xây dựng Luật phải được tiến hành trên cơ sở tổng kết thực tiễn, kế thừa các quy định còn phù hợp, khắc phục những hạn chế, bất cập nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân, đồng thời, góp phần quản lý, phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

*Bốn là*, bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các nước trong quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

## **III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG TRỌNG TÂM CỦA LUẬT**

### **1. Bố cục Luật**

Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ bao gồm 08 chương, 75 điều, trong đó:

**1.1.** Chương I. Quy định chung gồm 16 điều (*từ Điều 1 đến Điều 16*) quy định về: Phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; nguyên tắc quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được trang bị, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; điều kiện, trách nhiệm của người được giao sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; điều kiện, trách nhiệm của người được giao quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; quản lý, bảo quản vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; trường hợp thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thủ tục thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; trường hợp mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; số lượng, chủng loại vũ khí, công cụ hỗ trợ được phép mang vào, ra lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thủ tục cấp giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ để chào hàng, giới thiệu, triển lãm, trưng bày, sản phẩm hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật; đối tượng, điều kiện, thẩm quyền, thủ tục tiếp nhận và quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ do tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài tặng, cho, viện trợ; giám định vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

**1.2.** Chương II. Quản lý, sử dụng vũ khí gồm 15 điều (*từ Điều 17 đến Điều 31*) quy định về: Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, kinh doanh, xuất khẩu,

nhập khẩu vũ khí; đối tượng được trang bị vũ khí quân dụng; loại vũ khí quân dụng trang bị cho Cơ yếu, Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm lâm, Kiểm ngư, An ninh hàng không, Hải quan cửa khẩu, lực lượng chuyên trách phòng, chống buôn lậu của Hải quan, lực lượng phòng, chống tội phạm về ma túy của Hải quan; thủ tục trang bị vũ khí quân dụng; thủ tục cấp giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng; nguyên tắc sử dụng vũ khí quân dụng; các trường hợp nổ súng quân dụng khi thực hiện nhiệm vụ độc lập để bảo đảm an ninh, trật tự; đối tượng được trang bị vũ khí thể thao; thủ tục trang bị vũ khí thể thao; thủ tục cấp giấy phép sử dụng vũ khí thể thao; sử dụng vũ khí thể thao; thủ tục cấp giấy phép mua vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao; vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao; thủ tục cấp giấy phép sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao; khai báo vũ khí thô sơ là hiện vật trưng bày, triển lãm, làm đồ gia bảo.

**1.3. Chương III. Quản lý, sử dụng vật liệu nổ** gồm 11 điều (*từ Điều 32 đến Điều 42*) quy định về: Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ quân dụng; vận chuyển vật liệu nổ quân dụng; nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp; thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp; thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp; sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; thủ tục cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; dịch vụ nổ mìn; vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp trong quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

**1.4. Chương IV. Quản lý, sử dụng tiền chất thuốc nổ** gồm 06 điều (*từ Điều 43 đến Điều 48*) quy định về: Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ; thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ; thủ tục cấp giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ; thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ; vận chuyển tiền chất thuốc nổ; trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp trong quản lý, sử dụng tiền chất thuốc nổ.

**1.5. Chương V. Quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ** gồm 11 điều (*từ Điều 49 đến Điều 59*) quy định về: Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, sửa chữa công cụ hỗ trợ; quản lý, huấn luyện và sử dụng động vật nghiệp vụ; thủ tục cấp giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ; thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu công cụ hỗ trợ; đối tượng được trang bị công cụ hỗ trợ; thủ tục trang bị công cụ hỗ trợ; thủ tục cấp giấy phép mua công cụ hỗ trợ; cấp giấy phép sử dụng, đăng ký, khai báo công cụ hỗ trợ; vận chuyển công cụ hỗ trợ; thủ tục cấp giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ; sử dụng công cụ hỗ trợ; trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sửa chữa công cụ hỗ trợ.

**1.6. Chương VI. Tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ** gồm 09 điều (*từ Điều 60 đến Điều 68*) quy định về: Nguyên tắc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tiếp nhận, thu gom vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tìm kiếm vũ khí, vật liệu nổ; thẩm quyền tiếp nhận, thu gom, phân loại, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; trình tự, thủ tục



tiếp nhận, thu gom vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tổ chức giao nhận vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; bảo quản vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ tiếp nhận, thu gom; trình tự, thủ tục phân loại, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; kinh phí bảo đảm cho việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

**1.7. Chương VII. Quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ** gồm 03 điều (*từ Điều 69 đến Điều 71*) quy định về: Nội dung quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; trách nhiệm quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; cập nhật, khai thác, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ.

**1.8. Chương VIII. Điều khoản thi hành** gồm 04 điều (*từ Điều 72 đến Điều 75*) quy định về: Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 7 của Luật Quảng cáo; hiệu lực thi hành; áp dụng quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đối với dao có tính sát thương cao; quy định chuyển tiếp.

## **2. Một số nội dung mới trọng tâm của Luật**

**2.1. Sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ để giải thích các khái niệm về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ** cho phù hợp với nội dung, phạm vi điều chỉnh của Luật, tạo thuận lợi cho việc áp dụng Luật, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước và phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, trong đó:

(1) Bổ sung quy định dao có tính sát thương cao khi sử dụng với mục đích để thực hiện hành vi phạm tội, gây rối, làm mất trật tự công cộng hoặc chống đối cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, người thi hành công vụ là vũ khí thô sơ; khi đối tượng sử dụng với mục đích xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người trái pháp luật là vũ khí quân dụng; dao có tính sát thương cao sử dụng vào mục đích lao động, sản xuất, sinh hoạt hàng ngày thì không quy định là vũ khí. Tuy nhiên, để đảm bảo quản lý chặt chẽ loại phương tiện có tính chất lưỡng dụng này, phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ sử dụng dao có tính sát thương cao nhằm mục đích vi phạm pháp luật, Luật đã giao Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, sử dụng dao có tính sát thương cao để thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026; các biện pháp bảo đảm an toàn phải phù hợp với thực tiễn, không gây cản trở đến hoạt động bình thường của tổ chức, cá nhân; đồng thời, các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu dao có tính sát thương cao có trách nhiệm cung cấp thông tin về số lượng, chủng loại sản phẩm, nhãn hiệu, tên cơ sở sản xuất khi có yêu cầu của cơ quan Công an nơi tổ chức, cá nhân đóng trụ sở, nơi sản xuất, kinh doanh hoặc nơi cư trú để phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự.

(2) Sửa đổi, bổ sung khái niệm vũ khí quân dụng bao gồm: Các loại súng bắn đạn ghém, súng kíp, súng nén khí, súng nén hơi và đạn sử dụng cho các loại súng này vào nhóm vũ khí quân dụng; các loại vũ khí được trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân và các lực lượng thi hành công vụ thuộc danh mục do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành; vũ khí khác không thuộc danh mục vũ khí quân dụng, nhưng có khả năng gây sát thương tương tự như súng quy định quân dụng và linh kiện cơ bản để tạo nên các loại súng này; các loại vũ khí thể thao,

súng săn, vũ khí thô sơ thuộc danh mục do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành và dao có tính sát thương cao được sử dụng với mục đích để xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người trái pháp luật, cụ thể:

*“2. Vũ khí quân dụng bao gồm:*

*a) Súng cầm tay, súng vác vai, vũ khí hạng nhẹ, vũ khí hạng nặng, đạn sử dụng cho các loại vũ khí này; các loại bom, mìn, lựu đạn, ngư lôi, thủy lôi và vũ khí khác thuộc danh mục do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành, trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân và các lực lượng khác theo quy định của Luật này để thi hành công vụ;*

*b) Súng bắn đạn ghém, súng nén khí, súng nén hơi, đạn sử dụng cho các loại súng này thuộc danh mục do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành;*

*c) Vũ khí quy định tại điểm a khoản 4 Điều này trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân và các lực lượng khác theo quy định của Luật này để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;*

*d) Súng săn, vũ khí quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, vũ khí quy định tại điểm a khoản 5 Điều này, dao có tính sát thương cao quy định tại khoản 6 Điều này sử dụng với mục đích xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người trái pháp luật;*

*đ) Linh kiện cơ bản của súng quy định tại điểm a khoản này bao gồm: thân súng, nòng súng, bộ phận cò, bộ phận khóa nòng, kim hỏa;*

*e) Linh kiện cơ bản của súng quy định tại điểm b khoản này bao gồm: thân súng, bộ phận cò;*

*g) Vũ khí khác có tính năng, tác dụng, khả năng gây sát thương tương tự như vũ khí quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này, không thuộc danh mục do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành”.*

**2. Bổ sung quy định về đối tượng, điều kiện, thẩm quyền, thủ tục tiếp nhận và quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ do tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài tặng, cho, viện trợ nhằm tạo cơ chế pháp lý để cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của Việt Nam được tiếp nhận vũ khí, công cụ hỗ trợ do tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài tặng, cho, viện trợ; đồng thời, quản lý chặt chẽ số vũ khí do tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài tặng, cho, viện trợ, cụ thể:**

*“1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có chức năng nghiên cứu, chế tạo, sản xuất vũ khí, công cụ hỗ trợ hoặc cơ quan, tổ chức được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định của Luật này được tiếp nhận vũ khí, công cụ hỗ trợ do tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài tặng, cho, viện trợ.*

*2. Việc tiếp nhận vũ khí, công cụ hỗ trợ phải bảo đảm các điều kiện như sau:*

*a) Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài tặng, cho, viện trợ vũ khí, công cụ hỗ trợ phải bảo đảm phù hợp với pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế có liên quan;*

*b) Vũ khí, công cụ hỗ trợ tiếp nhận phải bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;*

c) Chỉ được tiếp nhận vũ khí, công cụ hỗ trợ để nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, trang bị, sử dụng hoặc trưng bày, triển lãm theo quy định của Luật này;

d) Vũ khí, công cụ hỗ trợ tiếp nhận phải rõ nguồn gốc, xuất xứ và bảo đảm phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định số lượng, chủng loại vũ khí, công cụ hỗ trợ do tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài tặng, cho, viện trợ đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

4. Thủ tục tiếp nhận vũ khí, công cụ hỗ trợ đối với đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện như sau:

a) Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp nhận và tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài tặng, cho, viện trợ vũ khí, công cụ hỗ trợ; lý do; số lượng, chủng loại, nhãn hiệu vũ khí, công cụ hỗ trợ; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật;

b) Văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này nộp tại cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, cơ quan Công an có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận vũ khí, công cụ hỗ trợ; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, sau khi tiếp nhận vũ khí, công cụ hỗ trợ để sử dụng thì phải làm thủ tục đề nghị cơ quan Công an có thẩm quyền cấp giấy phép sử dụng theo quy định tại các điều 21, 26 và 55 của Luật này.

6. Thẩm quyền, thủ tục tiếp nhận và quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng”.

3. Cắt giảm các giấy tờ, thủ tục tại các điều quy định về thủ tục cấp các loại giấy phép về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ như: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự; Căn cước công dân; các quyết định phê duyệt, hồ sơ, giấy tờ chứng minh các điều kiện hoạt động...; quy định về cấp giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ theo hướng không quy định thời hạn và chuyển việc cấp giấy xác nhận đăng ký sang cấp giấy phép sử dụng nhằm đảm bảo cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân và thực hiện tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công.

4. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này.

#### **IV. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN LUẬT**

##### **1. Về bảo đảm nguồn nhân lực**

(1) Lực lượng Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, cán bộ, công chức thuộc Bộ Công thương là lực lượng nòng cốt để triển khai các nhiệm vụ được giao trong Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

(2) Sử dụng cán bộ, chiến sỹ thuộc Công an nhân dân, Quân đội nhân dân và cán bộ, công chức thuộc Bộ Công thương hiện có để bố trí làm công tác quản lý, cấp các loại giấy phép, tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; đồng thời, những người làm công tác này phải bảo đảm điều kiện về phẩm chất đạo đức, tác phong làm việc, phù hợp về năng lực, trình độ chuyên môn tại các vị trí công tác và được đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật.

## **2. Về bảo đảm nguồn tài chính**

Nguồn tài chính cần được bảo đảm để triển khai thực hiện các nhiệm vụ: Bồi dưỡng, tập huấn, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Việc sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, nội dung, chế độ, định mức chi theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

## **V. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH CỦA LUẬT**

**1.** Sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ để giải thích các khái niệm về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ cho phù hợp với nội dung, phạm vi điều chỉnh của Luật, tạo thuận lợi cho việc áp dụng Luật, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước và phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

Chính sách này sẽ là cơ sở pháp lý để các lực lượng chức năng tăng cường công tác quản lý nhà nước và phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, nhất là đấu tranh, xử lý nghiêm các hành vi sử dụng các loại súng tự chế, vũ khí thô sơ, dao có tính sát thương cao với mục đích đe dọa xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người trái pháp luật, gây rối, làm mất trật tự công cộng hoặc chống đối cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, người thi hành công vụ. Việc quy định này nhằm điều chỉnh nhận thức hành vi của các đối tượng, giảm nguồn tội phạm.

**2.** Bổ sung quy định về đối tượng, điều kiện, thẩm quyền, thủ tục tiếp nhận và quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ do tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài tặng, cho, viện trợ nhằm tạo cơ chế pháp lý để cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của Việt Nam được tiếp nhận vũ khí, công cụ hỗ trợ do tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài tặng, cho, viện trợ; đồng thời, quản lý chặt chẽ số vũ khí do tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài tặng, cho, viện trợ. Chính sách nhằm tận dụng nguồn viện trợ của nước ngoài, đồng thời, phục vụ hiệu quả cho việc nghiên cứu, sản xuất, trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của Việt Nam.

**3.** Cắt giảm các giấy tờ, thủ tục tại các điều quy định về thủ tục cấp các loại giấy phép về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; quy định về cấp giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ theo hướng không quy định thời hạn và chuyển việc cấp giấy xác nhận đăng ký sang cấp giấy phép sử dụng nhằm đảm bảo cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân và thực hiện tiếp nhận hồ sơ giải

quyết thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công. Chính sách này giúp cơ quan quản lý nhà nước không phải tốn nhiều thời gian để kiểm tra, xác minh thông tin, giấy tờ do cơ quan, tổ chức cung cấp khi giải quyết các thủ tục hành chính; giảm nhân lực để giải quyết thủ tục hành chính và quản lý hệ thống hồ sơ giấy tờ; phù hợp với xu hướng chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước; cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính không phải bảo quản, mang theo nhiều loại giấy tờ khác nhau, tiết kiệm chi phí, giảm thời gian thực hiện. Thống nhất cách thức quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ bằng cấp giấy phép sử dụng; giảm thời gian, nhân lực cho cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong thực hiện cấp đổi giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ.

4. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ. Chính sách này nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

## **VI. TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG THI HÀNH LUẬT**

Để bảo đảm các quy định của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được triển khai có hiệu quả, Bộ Công an đang phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Công thương và các bộ, ngành có liên quan khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, trong đó, xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả trên phạm vi toàn quốc.

2. Xây dựng các Nghị định, Thông tư quy định chi tiết thi hành Luật bảo đảm khi ban hành, có hiệu lực cùng thời điểm Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025, gồm:

(1) Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

(2) Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

(3) Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

(4) Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp lại giấy phép về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

(5) Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

(6) Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

(7) Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý, huấn luyện và sử dụng động vật nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

(8) Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Danh mục vũ khí quân dụng và xây dựng, quản lý, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

(9) Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công thương.

**3.** Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công; thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

**4.** Tổ chức tổ chức truyền thông, phổ biến sâu rộng, tập huấn chuyên sâu, biên soạn, in, cấp phát tài liệu phổ biến Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ./.